

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
SON HÀ SÀI GÒN**

Số: 15/CV/2025-SHA

V/v: Công bố báo cáo tài chính Tổng  
hợp kiểm toán 2024.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

.....oOo.....

TP.HCM, ngày 28 tháng 03 năm 2025

**Kính gửi:** Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh

Tên công ty: Công Ty Cổ Phần Sơn Hà Sài Gòn

Mã chứng khoán : SHA

Địa chỉ trụ sở chính: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP.  
Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: (84-08) 37100101

Fax: (84-08) 62511989

Người thực hiện công bố thông tin: Ngô Thị Thanh Lan

Địa chỉ trụ sở chính: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP.  
Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: (84-08) 37100101

Fax: (84-08) 62511989

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung của thông tin công bố: Công ty Cổ Phần Sơn Hà Sài Gòn công bố Báo cáo tài chính Tổng hợp sau kiểm toán năm 2024 gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tình chính .

Thông tin này được chúng tôi công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 28/04/2025 tại đường dẫn <http://sonhasg.com.vn>.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu VT

**NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT**

(Chữ ký, họ tên, đóng dấu)



**NGÔ THỊ THANH LAN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2024**



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 43



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Lê Hoàng Hà	Chủ tịch
Ông Lê Văn Ngà	Thành viên
Ông Lê Văn Thành	Thành viên
Bà Trịnh Thị Phương Linh	Thành viên
Bà Phạm Thị Uyên	Thành viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Bà Ngô Thị Thanh Lan	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Tuấn Thanh	Phó Tổng Giám đốc

#### **Ban Kiểm soát**

Ông Nguyễn Văn Tuấn	Trưởng ban
Bà Lê Hoàng Anh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Thành viên

#### **Kế toán trưởng**

Bà Trần Thị Thu Hạnh

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**


- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

### **CÁC CAM KẾT KHÁC**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, 



**Ngô Thị Thanh Lan**

**Tổng Giám đốc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2025



Số: 312/2025/UHY-BCKT

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**  
Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc  
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn (sau đây được gọi là “Công ty”) được lập ngày 27/03/2025, từ trang 06 đến trang 43 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Nguyễn Minh Long**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0666-2023-112-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**

*Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2025*

**Bùi Đức Nam**  
**Kiểm toán viên**

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 5142-2025-112-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31/12/2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>690.557.292.614</b>	<b>694.379.323.622</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	45.518.405.404	31.892.739.507
Tiền	111		45.518.405.404	31.892.739.507
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	7	26.200.000.000	19.200.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		26.200.000.000	19.200.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		281.407.366.047	284.797.642.772
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	241.290.499.314	257.888.432.236
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		5.146.033.585	3.113.239.549
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	14.937.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	35.793.544.681	9.676.742.519
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(822.711.533)	(822.711.533)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	4.940.001
Hàng tồn kho	140	10	330.249.275.930	344.639.457.910
Hàng tồn kho	141		330.249.275.930	344.639.457.910
Tài sản ngắn hạn khác	150		7.182.245.233	13.849.483.433
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5	3.386.699.260	4.213.537.990
Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.663.740.833	9.635.945.443
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	131.805.140	-
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>212.508.531.271</b>	<b>227.677.875.429</b>
Các khoản phải thu dài hạn	210		196.460.684	545.046.684
Phải thu dài hạn khác	216	9	196.460.684	545.046.684
Tài sản cố định	220		100.937.910.328	115.445.154.001
Tài sản cố định hữu hình	221	11	68.785.244.291	79.809.139.573
- Nguyên giá	222		178.068.133.205	171.939.348.713
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(109.282.888.914)	(92.130.209.140)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	12	-	2.461.714.072
- Nguyên giá	225		-	5.254.881.818
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	(2.793.167.746)
Tài sản cố định vô hình	227	13	32.152.666.037	33.174.300.356
- Nguyên giá	228		46.109.659.444	46.109.659.444
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(13.956.993.407)	(12.935.359.088)
Tài sản dở dang dài hạn	240		31.049.377.274	31.049.377.274
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	6	31.049.377.274	31.049.377.274
Đầu tư tài chính dài hạn	250	7	80.000.000.000	80.000.000.000
Đầu tư vào công ty con	251		70.000.000.000	70.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		10.000.000.000	10.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		324.782.985	638.297.470
Chi phí trả trước dài hạn	261	5	324.782.985	638.297.470
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>903.065.823.885</b>	<b>922.057.199.051</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**  
Tại ngày 31/12/2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>493.759.653.269</b>	<b>532.529.167.522</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>493.524.734.269</b>	<b>532.090.936.164</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	45.122.094.318	85.343.852.202
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.179.397.914	4.342.225.985
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	1.261.505.027	1.762.276.591
Phải trả người lao động	314		3.607.530.411	3.389.212.204
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	7.083.912.420	3.775.167.332
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	451.194.643	329.975.492
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	430.537.192.692	430.866.319.514
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.281.906.844	2.281.906.844
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>234.919.000</b>	<b>438.231.358</b>
Phải trả dài hạn khác	337	18	234.919.000	251.919.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	16	-	186.312.358
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>409.306.170.616</b>	<b>389.528.031.529</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>409.306.170.616</b>	<b>389.528.031.529</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		334.466.750.000	334.466.750.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		334.466.750.000	334.466.750.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(250.000.000)	(250.000.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		13.686.797.071	13.686.797.071
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		61.402.623.545	41.624.484.458
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		41.348.484.458	20.956.921.028
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		20.054.139.087	20.667.563.430
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>903.065.823.885</b>	<b>922.057.199.051</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Lê Hoàng Oanh

Trần Thị Thu Hạnh

Ngô Thị Thanh Lan



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
*Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	1.061.771.293.875	1.016.292.458.499
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	68.065.039.460	58.854.107.305
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		993.706.254.415	957.438.351.194
Giá vốn hàng bán	11	22	897.015.579.723	852.301.857.622
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		96.690.674.692	105.136.493.572
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	28.655.551.369	25.705.730.762
Chi phí tài chính	22	24	27.539.860.269	32.959.576.480
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		27.465.910.255	32.707.034.642
Chi phí bán hàng	25	25	57.539.706.339	54.437.563.918
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	18.672.832.408	21.363.889.162
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		21.593.827.045	22.081.194.774
Thu nhập khác	31	26	318.819.278	812.805.905
Chi phí khác	32		29.726.630	32.404.973
Lợi nhuận khác	40		289.092.648	780.400.932
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		21.882.919.693	22.861.595.706
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	1.828.780.606	2.194.032.276
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		20.054.139.087	20.667.563.430

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu



Lê Hoàng Oanh

Kế toán trưởng



Trần Thị Thu Hạnh

Tổng Giám đốc



Ngô Thị Thanh Lan



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
**(Theo phương pháp gián tiếp)**  
*Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024*

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Mã Thuyết số minh</b>	<b>Năm 2024 VND</b>	<b>Năm 2023 VND</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>21.882.919.693</b>	<b>22.861.595.706</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao TSCĐ và BDSĐT	02	15.939.298.871	16.148.578.642
Các khoản dự phòng	03	-	(918.201.917)
(Lãi)/lỗ hoạt động đầu tư	05	(21.917.991.110)	(21.079.837.055)
Chi phí lãi vay	06	27.465.910.255	32.707.034.642
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>43.370.137.709</b>	<b>49.719.170.018</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	2.723.164.247	(2.779.407.256)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	14.390.181.980	(25.291.945.992)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(38.394.654.774)	(49.980.531.581)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.140.353.215	2.821.568.912
Tiền lãi vay đã trả	14	(27.363.280.176)	(32.794.552.066)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.358.834.013)	(929.571.770)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(6.492.931.812)</b>	<b>(59.235.269.735)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(881.726.681)	(2.188.806.998)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	88.000.000	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(12.000.000.000)	(42.501.472.337)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	19.937.000.000	23.333.458.377
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	13.749.157.880	31.502.572.551
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>20.892.431.199</b>	<b>10.145.751.593</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
Tiền thu từ đi vay	33	907.213.668.580	926.531.631.528
Tiền trả nợ gốc vay	34	(907.076.384.058)	(875.379.835.564)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	(662.718.012)	(840.297.104)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(248.400.000)	(255.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(773.833.490)</b>	<b>50.056.498.860</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		13.625.665.897	966.980.718
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	31.892.739.507	30.925.758.789
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	45.518.405.404	31.892.739.507

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Lê Hoàng Oanh

Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hạnh

Tổng Giám đốc



Ngô Thị Thanh Lan



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0307526635, đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 03 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 24 ngày 20 tháng 06 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại 292/5 ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 334.466.750.000 đồng (Ba trăm ba mươi bốn tỷ bốn trăm sáu mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) từ ngày 21 tháng 01 năm 2013 với mã chứng khoán là SHA. Ngày 23 tháng 11 năm 2017, Công ty đã hủy niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội để chuyển sang đăng ký niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE).

**1.2 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty trong năm là: Sản xuất thùng, bể chứa, dụng cụ chứa đựng bằng kim loại và kinh doanh hàng gia dụng, hàng công nghiệp.

**1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP**

Công ty có các đơn vị hạch toán phụ thuộc như sau:

<b>Tên đơn vị</b>	<b>Địa chỉ</b>
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn- Khu Công nghiệp Tân Bình Mã số chi nhánh: 0307526635-002	Lô III-3A đường số 1, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân phú, TP.Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh Lâm Đồng - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-003	Số 31, Tổ 10, Lô 90, Đường Nguyễn Công Trứ, Thị trấn Liên Nghĩa, H. Đức Trọng, T.Lâm Đồng, Việt Nam.
- Chi nhánh Bình Dương - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-005	Đại lộ Bình Dương, phường Định Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
- Chi nhánh Đắk Nông - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-008	Thôn Nghĩa Hòa, Xã Đắk Nĩa, Thành Phố Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam
- Chi nhánh Cần Thơ - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-009	Lô 2.10G, đường số 09, KCN Trà Nóc II, P. Phước Thới, Q. Ô Môn, TP Cần Thơ, Việt Nam
- Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-0010	Số 1559 Quốc Lộ 55, KP Long An, TT. Long Điền, H. Long Điền, T. Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Chi nhánh Long Khánh – Đồng Nai - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-012	Tổ 10B, ấp Bàu Trâm, Xã Bàu Trâm, Thành Phố Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- Chi nhánh Đắk Lắk - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-013	Số 7B, Quốc lộ 14, buôn Cour Đăng A, Xã Cour Đăng, Huyện Cư M'gar, Đắk Lắk Việt Nam.
- Chi nhánh Kiên Giang - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-0011	Số 052 ấp An Phước, Xã Bình An, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang
- Chi nhánh Khánh Hòa - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-007	Lô 02-B4, KĐT Phước Long - Phường Phước Long - Thành phố Nha Trang - Khánh Hòa
- Chi nhánh Bình Phước - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-014	ĐT.741, ấp 1, Xã Tiến Hưng, Thị xã Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.
- Chi nhánh An Giang - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0015	572 Quốc lộ 91, Ấp Bình Phú 2, Xã Bình Hòa, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang
- Chi nhánh Tiền Giang - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0016	Số 5/4 Quốc lộ 50, Ấp Mỹ Lợi, Xã Mỹ Phong, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang.
- Chi nhánh Biên Hòa - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0017	Số 9-11, Lô A10, GĐCB- QĐ4, Phường Tân Phong, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
- Chi nhánh Bình Thuận - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0018	Thôn Thắng Hiệp, Xã Hàm Thắng, Huyện Hàm Thuận Bắc, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam
- Chi nhánh Buôn Mê Thuột - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số CN: 0307526635-0020	18 Thôn 13, Xã Hòa Khánh, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk.
- Chi nhánh Eakar - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0019	Km 56, QL 26, Buôn Tân Sinh, xã Ea Đar, Huyện Eakar, Tỉnh Đắk Lắk.
- Chi nhánh Bình Long - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0021	Quốc lộ 13, Tổ 10, Ấp Phú Long, Xã Thanh Phú, Thị xã Bình Long, Tỉnh Bình Phước.
- Chi nhánh Bến Tre - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0023	93 Đ, Ấp Bình Thành, xã Bình Phú, TP. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre.
- Chi nhánh Tây Ninh - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0025	Tổ 17A, Ấp Hiệp Trường, Xã Hiệp Tân, Huyện Hòa Thành, Tỉnh Tây Ninh.
- Chi nhánh Đồng Tháp - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0024	Số 425A, Quốc lộ 30, Tổ 13, Ấp An Định, Xã An Bình, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
- Chi nhánh Cà Mau - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0026	Lô đất số 01-1A, Khu A5, Đường Số 02+03+H6, Phường 1, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Chi nhánh Bạc Liêu - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0027	Quốc lộ 1A, ấp Tân Tạo, Thị trấn Châu Hưng, Huyện Vĩnh Lợi, Tỉnh Bạc Liêu
- Chi nhánh Ninh Thuận - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0028	Số 03, đường Lê Duẩn, Khu Phố 3, Phường Đài Sơn, TP. Phan Rang – Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam.
- Chi nhánh Trà Vinh - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-029	Áp chợ, Xã Phương Thạnh, Huyện Càng Long, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam
- Chi nhánh Long An - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-030	Áp Đồng Tâm, Xã Long Trạch, Huyện Cần Đức, Tỉnh Long An, Việt Nam

Công ty có một công ty con với thông tin như sau:

Công ty con của Công ty là Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai, tỷ lệ kiểm soát 100%. Địa chỉ khu Công nghiệp Bắc Chu Lai, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Hoạt động sản xuất kinh doanh chính bao gồm: Sản xuất thùng, bể chứa, dụng cụ chứa đựng bằng kim loại và kinh doanh hàng gia dụng, hàng công nghiệp.

Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

**1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty đã được kiểm toán.

**1.6 NHÂN VIÊN**

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 293 người (tại ngày 31/12/2023 là 294 người).

**2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**2.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**2.3 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

### **2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)**

#### **2.4 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

### **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

#### **3.1 CƠ SỞ, MỤC ĐÍCH LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính được lập là báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ. Công ty lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Đồng thời, Công ty cũng lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (như chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 1.4.) cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

#### **3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **3.3 NGOẠI TỆ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:
  - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
  - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

### **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

#### **3.3 NGOẠI TỆ (TIẾP)**

- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

#### **3.4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn.

#### **3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

##### *Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trực tiếp giá trị đầu tư.

##### *Đầu tư vào Công ty con*

Khoản đầu tư được trình bày là khoản đầu tư vào Công ty Con khi Công ty nắm quyền kiểm soát đơn vị được đầu tư. Kiểm soát là quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh đó.

Một khoản đầu tư được coi là nắm được quyền kiểm soát của đơn vị được đầu tư khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị đó trừ khi quyền sở hữu đó không gắn liền quyền kiểm soát. Nếu Công ty không nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị khác thì Công ty vẫn có thể có được quyền kiểm soát đơn vị nếu Công ty có:



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

### **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

#### **3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

- (i) Quyền lớn hơn 50% quyền biểu quyết của đơn vị nhờ có một thoả thuận với các nhà đầu tư khác;
- (ii) Quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị theo một qui chế hay một thoả thuận;
- (iii) Quyền bổ nhiệm, bãi miễn đa số thành viên Hội đồng quản trị (hoặc một bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị; hoặc
- (iv) Quyền bỏ phiếu quyết định trong các cuộc họp Hội đồng quản trị (hoặc bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị.

Thời điểm ghi nhận ban đầu của khoản đầu tư vào Công ty con được mua trong kỳ là ngày mà Công ty đạt được quyền kiểm soát thực tế đối với đơn vị được đầu tư. Trên báo cáo tài chính riêng của Công ty, các khoản đầu tư vào Công ty con được trình bày theo giá gốc (giá mua và các chi phí mua trực tiếp liên quan) trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư. Việc lập dự phòng tổn thất đầu tư căn cứ vào giá trị khoản lỗ lũy kế trên báo cáo tài chính của công ty con và có thể được hoàn nhập khi có lãi. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

#### **3.6 CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### **3.7 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Tại ngày 31/12/2024, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

#### 3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian khấu hao (năm)</i>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	03 – 46
Máy móc, thiết bị	04 – 09
Phương tiện vận tải	04 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

#### 3.9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm phần mềm máy vi tính, quyền sử dụng đất.

##### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời gian giao đất (từ 42 đến 47 năm).

##### *Phần mềm máy tính*

Giá mua phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

### **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

#### **3.10 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận như tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý tại ngày thuê tài sản, hoặc nếu thấp hơn, theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản công nợ phải trả cho bên cho thuê (nợ gốc) phát sinh được phản ánh trong số dư phải trả về thuê tài chính trên Bảng Cân đối kế toán. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian thuê theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả còn lại cho từng kỳ kế toán.

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

<b>Nhóm tài sản</b>	<b>Thời gian khấu hao (năm)</b>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10

#### **3.11 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỒ DANG**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### **3.12 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí thuê kho, chi phí trả trước tiền thuê đất, chi phí sửa chữa và các khoản chi phí trả trước khác.

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;

- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Các chi phí sửa chữa lớn được phân bổ không quá 03 năm kể từ thời điểm phát sinh chi phí.

#### **3.13 CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

### **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

#### **3.13 CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ (TIẾP)**

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### **3.14 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn.

#### **3.15 CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### **3.16 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông được cơ quan quản lý có thẩm quyền chấp thuận.

##### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### **3.17 PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.



### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

#### **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

##### **3.17 PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN (TIẾP)**

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, danh sách danh sách cổ đông góp vốn được chốt chính thức và được UBCK chấp thuận

##### **3.18 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hoá.

###### *Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

###### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

###### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

##### **3.19 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá...



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

#### 3.20 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

##### Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

##### Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

##### Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### 3.21 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh trong năm được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

#### 3.22 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận được báo cáo là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan (Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (Bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính hợp nhất nội bộ của Công ty. Do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ vì vậy, Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một lĩnh vực kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Tiền mặt	6.144.755.901	4.239.185.486
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	39.373.649.503	27.653.554.021
<b>Cộng</b>	<b>45.518.405.404</b>	<b>31.892.739.507</b>

**5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>3.386.699.260</b>	<b>4.213.537.990</b>
- Chi phí trả trước về thuê kho	761.591.663	960.391.663
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	607.468.608	421.314.432
- Chi phí bảo hiểm	300.028.353	641.582.779
- Chi phí thuê đất	1.374.241.153	1.592.698.301
- Các khoản khác	343.369.483	597.550.815
<b>b) Dài hạn</b>	<b>324.782.985</b>	<b>638.297.470</b>
- Chi phí Công cụ dụng cụ	299.672.132	330.448.477
- Chi phí sửa chữa	25.110.853	307.848.993
<b>Cộng</b>	<b>3.711.482.245</b>	<b>4.851.835.460</b>

**6. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Quyền sử dụng đất (*)	31.049.377.274	31.049.377.274
<b>Cộng</b>	<b>31.049.377.274</b>	<b>31.049.377.274</b>

(\*) Bao gồm:

- Quyền sử dụng đất 5.786,5 m<sup>2</sup> tại xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh. Giá trị chuyển nhượng số tiền 25.049.377.247 đồng từ năm 2014 đến nay chưa hoàn tất các thủ tục pháp lý để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Quyền sử dụng đất 1.000 m<sup>2</sup> tại thửa đất số 642, 112/1 ấp Tam Đông, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh. Giá trị chuyển nhượng số tiền 6.000.000.000 đồng. Hiện Công ty đang hoàn tất các thủ tục pháp lý để được cấp Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất.



**CÔNG TY CỔ PHẦN SON HÀ SÀI GÒN**

292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

MÃU SỐ B09-DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**7. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****7.1 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGÁN HẠN**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
a) Đầu tư tài chính ngắn hạn	26.200.000.000	26.200.000.000	19.200.000.000	19.200.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikorn Bank	5.000.000.000	5.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	9.200.000.000	9.200.000.000	9.200.000.000	9.200.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>26.200.000.000</b>	<b>26.200.000.000</b>	<b>19.200.000.000</b>	<b>19.200.000.000</b>

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 2,9%/năm - 4,6%/năm.



**CÔNG TY CỔ PHẦN SON HÀ SÀI GÒN**

292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

MÃ SỐ B09-DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***7. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)****7.2 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2024		01/01/2024			
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<b>b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn</b>	<b>10.000.000.000</b>	-	<b>10.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>	-	<b>10.000.000.000</b>
- Trái phiếu tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (1)	10.000.000.000	-	10.000.000.000	10.000.000.000	-	10.000.000.000
<b>c) Đầu tư góp vốn vào công ty con</b>	<b>70.000.000.000</b>	-	<b>(*) 70.000.000.000</b>	<b>70.000.000.000</b>	-	<b>(*)</b>
- Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai (2)	70.000.000.000	-	(*) 70.000.000.000	70.000.000.000	-	(*)
<b>Cộng</b>	<b>80.000.000.000</b>	-	<b>(*) 80.000.000.000</b>	<b>80.000.000.000</b>	-	<b>(*)</b>

(1) Trái phiếu tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, kỳ hạn 10 năm, lãi suất 6,525%/năm.

(2) Khoản đầu tư dài hạn vào Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà Chu Lai số tiền 70.000.000.000 đồng (Bảy mươi tỷ đồng) tương đương 100% tỷ lệ sở hữu - vốn điều lệ theo điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4000900618 đăng ký lần đầu vào ngày 31 tháng 10 năm 2012, thay đổi lần thứ 5 vào ngày 22 tháng 04 năm 2019 số tiền 70.000.000.000 đồng do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp. Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà Chu Lai bao gồm: Sản xuất thùng, bể chứa, dụng cụ chứa đựng bằng kim loại và kinh doanh hàng gia dụng, hàng công nghiệp.

(\*) Tại thời điểm 31/12/2024, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***8. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>241.290.499.314</b>	<b>(822.711.533)</b>	<b>257.888.432.236</b>	<b>(822.711.533)</b>
- Công ty TNHH Cơ khí - Thương mại - Dịch vụ Thiên Thành Lợi	43.793.395.212	-	40.575.630.955	-
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Phát triển Hưng Thịnh	33.153.308.817	-	8.156.873.592	-
- Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Kim loại VINA	30.383.493.810	-	41.063.232.472	-
- Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại thép Hải Phát	17.491.480.509	-	25.026.585.377	-
- Công ty TNHH Cơ khí Xây dựng Minh Ngọc Dương	31.373.376.782	-	32.411.037.784	-
- Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ kỹ thuật Đại Phú Thịnh	18.889.480.150	-	34.344.710.041	-
- Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà Chu Lai	2.469.202.301	-	12.576.250.309	-
- Phải thu khách hàng khác	63.736.761.733	(822.711.533)	63.734.111.706	(822.711.533)
<b>b) Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>241.290.499.314</b>	<b>(822.711.533)</b>	<b>257.888.432.236</b>	<b>(822.711.533)</b>

c) Phải thu khách hàng là bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 30.2



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**9. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	35.793.544.681	-	9.676.742.519	-
- Tạm ứng	26.272.988.018	-	7.749.820.204	-
- Ký cược, ký quỹ	160.139.316	-	121.139.316	-
- Lợi nhuận được chia	8.000.000.000	-	-	-
- Kinh phí công đoàn	101.488.751	-	72.282.451	-
- Bảo hiểm xã hội	166.507.845	-	154.676.375	-
- Phải thu khác	1.092.420.751	-	1.578.824.173	-
b) Dài hạn	196.460.684	-	545.046.684	-
- Ký cược, ký quỹ	196.460.684	-	545.046.684	-
<b>Cộng</b>	<b>35.990.005.365</b>	<b>-</b>	<b>10.221.789.203</b>	<b>-</b>

c) Phải thu khác là bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 30.2

**10. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng đang đi trên đường	1.091.728.625	-	7.360.835.982	-
Nguyên liệu, vật liệu	115.171.730.442	-	113.929.433.472	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	22.890.680.169	-	19.736.497.104	-
Thành phẩm	50.236.656.789	-	40.928.547.511	-
Hàng hóa	140.858.479.905	-	162.684.143.841	-
<b>Cộng</b>	<b>330.249.275.930</b>	<b>-</b>	<b>344.639.457.910</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SON HÀ SÀI GÒN**

292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

MÃ SỐ B09-DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa		Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND				
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
01/01/2024	85.538.362.177	35.385.615.124	44.477.241.504	6.538.129.908	171.939.348.713	
- Phân loại lại	-	(36.656.500)	-	36.656.500	-	
- Mua trong năm	-	1.422.658.020	-	-	1.422.658.020	
- Mua lại tài sản thuê tài chính	-	3.540.000.000	1.744.347.818	-	5.284.347.818	
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(578.221.346)	-	(578.221.346)	
31/12/2024	85.538.362.177	40.311.616.644	45.643.367.976	6.574.786.408	178.068.133.205	

**GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ**

01/01/2024	(30.250.412.744)	(24.128.718.020)	(33.577.854.098)	(4.173.224.278)	(92.130.209.140)	
- Phân loại lại	-	12.218.840	-	(12.218.840)	-	
- Khấu hao trong năm	(6.876.554.868)	(2.972.076.697)	(3.753.076.859)	(1.245.136.670)	(14.846.845.094)	
- Mua lại tài sản thuê tài chính	-	(2.220.952.386)	(643.196.267)	-	(2.864.148.653)	
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	558.313.973	-	558.313.973	
31/12/2024	(37.126.967.612)	(29.309.528.263)	(37.415.813.251)	(5.430.579.788)	(109.282.888.914)	

**GIÁ TRỊ CÒN LẠI**

01/01/2024	55.287.949.433	11.256.897.104	10.899.387.406	2.364.905.630	79.809.139.573	
31/12/2024	48.411.394.565	11.002.088.381	8.227.554.725	1.144.206.620	68.785.244.291	

- Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm khoản vay tại ngày 31/12/2024 là 39.528.825.161 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 44.469.628.122 đồng).

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 28.799.310.160 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 25.222.231.491 đồng).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
01/01/2024	3.520.000.000	1.734.881.818	5.254.881.818
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(3.520.000.000)	(1.734.881.818)	(5.254.881.818)
31/12/2024	-	-	-
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
01/01/2024	(2.220.952.386)	(572.215.360)	(2.793.167.746)
- Khấu hao trong năm	(41.904.762)	(28.914.696)	(70.819.458)
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	2.262.857.148	601.130.056	2.863.987.204
31/12/2024	-	-	-
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
01/01/2024	1.299.047.614	1.162.666.458	2.461.714.072
31/12/2024	-	-	-

**13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
01/01/2024	45.156.600.444	953.059.000	46.109.659.444
31/12/2024	45.156.600.444	953.059.000	46.109.659.444
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
01/01/2024	(11.999.163.583)	(936.195.505)	(12.935.359.088)
- Khấu hao trong năm	(1.004.770.824)	(16.863.495)	(1.021.634.319)
31/12/2024	(13.003.934.407)	(953.059.000)	(13.956.993.407)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
01/01/2024	33.157.436.861	16.863.495	33.174.300.356
31/12/2024	32.152.666.037	-	32.152.666.037

Quyền sử dụng đất 7.064,7 m<sup>2</sup> tại Xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hóc Môn. Giá trị còn lại tài sản cố định vô hình dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm khoản vay tại 31/12/2024 là: 32.152.666.037 đồng (tại 31/12/2023 là 33.157.436.861 đồng).



**CÔNG TY CỔ PHẦN SON HÀ SÀI GÒN**

292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

MÃ SỐ B09-DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Ngắn hạn	45.122.094.318	45.122.094.318	85.343.852.202	85.343.852.202
- Công ty TNHH Posco VST	3.280.782.394	3.280.782.394	4.634.553.902	4.634.553.902
- Công ty Cổ Phần Phát Triển Năng Lượng Sơn Hà	1.167.429.513	1.167.429.513	587.002.146	587.002.146
- Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà - Chu Lai	27.761.090.513	27.761.090.513	67.740.001.939	67.740.001.939
- Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	5.912.164.041	5.912.164.041	1.887.248.632	1.887.248.632
- Các đối tượng khác	7.000.627.857	7.000.627.857	10.495.045.583	10.495.045.583
b) Dài hạn	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>45.122.094.318</b>	<b>45.122.094.318</b>	<b>85.343.852.202</b>	<b>85.343.852.202</b>

c) Phải trả người bán là bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 30.2



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2024		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		31/12/2024	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải nộp</b>								
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	153.726.037	2.118.491.544	2.098.425.701	173.791.880				
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	114.526.696	114.526.696	-				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.580.461.496	1.828.780.606	2.358.834.013	1.050.408.089				
- Thuế thu nhập cá nhân	28.089.058	444.295.793	435.079.793	37.305.058				
- Các loại thuế khác	-	22.000.000	22.000.000	-				
<b>Cộng</b>	<b>1.762.276.591</b>	<b>4.528.094.639</b>	<b>5.028.866.203</b>	<b>1.261.505.027</b>				

**Thuế và các khoản phải thu**

- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu

		01/01/2024		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		31/12/2024	
		VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
		-	1.300.851.404	1.432.656.544	131.805.140				
	<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>1.300.851.404</b>	<b>1.432.656.544</b>	<b>131.805.140</b>				



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

Nội dung	31/12/2024		Trong năm		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	430.537.192.692	430.537.192.692	907.223.662.890	907.552.789.712	430.866.319.514	430.866.319.514
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>430.537.192.692</i>	<i>430.537.192.692</i>	<i>907.213.668.580</i>	<i>907.076.384.058</i>	<i>430.399.908.170</i>	<i>430.399.908.170</i>
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 12 (1)	173.464.635.264	173.464.635.264	375.656.649.280	377.998.202.194	175.806.188.178	175.806.188.178
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hóc Môn (BIDV) (2)	178.713.033.810	178.713.033.810	417.680.121.265	415.262.854.675	176.295.767.220	176.295.767.220
- Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikorn Bank (3)	15.832.603.190	15.832.603.190	38.368.678.947	71.501.951.039	48.965.875.282	48.965.875.282
- Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam- CN Gia Định (4)	29.265.866.038	29.265.866.038	29.265.866.038	29.332.077.490	29.332.077.490	29.332.077.490
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (5)	33.261.054.390	33.261.054.390	46.242.353.050	12.981.298.660	-	-
<i>Nợ thuế tài chính</i>	-	-	<i>9.994.310</i>	<i>476.405.654</i>	<i>466.411.344</i>	<i>466.411.344</i>
- Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	9.994.310	476.405.654	466.411.344	466.411.344
b) Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	-	-	-	186.312.358	186.312.358	186.312.358
<i>Nợ thuế tài chính</i>	-	-	-	<i>186.312.358</i>	<i>186.312.358</i>	<i>186.312.358</i>
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>	-	-	-	<i>186.312.358</i>	<i>186.312.358</i>	<i>186.312.358</i>
<b>Cộng</b>	<b>430.537.192.692</b>	<b>430.537.192.692</b>	<b>907.223.662.890</b>	<b>907.739.102.070</b>	<b>431.052.631.872</b>	<b>431.052.631.872</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Thuyết minh chi tiết cho các khoản vay:*

- (1) Khoản vay theo Hợp đồng Cho Vay Hạn Mức số 95/2024-HĐCVHM/NHCT944-SHA ngày 21/10/2024 giữa Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 12 Thành phố Hồ Chí Minh với các điều khoản cụ thể:
- Mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty;
  - Hạn mức: 300.000.000.000 đồng;
  - Thời hạn cấp hạn mức: kể từ ngày 21/10/2024 đến hết ngày 21/10/2025;
  - Lãi suất: áp dụng theo lãi suất thoả thuận giữa hai bên áp dụng theo từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh 01 tháng một lần;
  - Các biện pháp bảo đảm: Các thỏa thuận về biện pháp đảm bảo được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng cầm cố/thế chấp/bảo lãnh/ký quỹ (gọi chung là Hợp đồng bảo đảm) được giao kết trước ngày, cùng ngày hoặc sau ngày của Hợp đồng này mà điều khoản về phạm vi bảo đảm của (các) Hợp đồng bảo đảm bao gồm hợp đồng này.
- (2) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2024/7015218/HĐTD ngày 05 tháng 11 năm 2024 giữa Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hóc Môn với các điều khoản cụ thể:
- Mục đích: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, phát hành L/C;
  - Hạn mức: 250.000.000.000 đồng;
  - Thời hạn cấp hạn mức: kể từ ngày ký Hợp đồng này cho đến hết ngày 25/11/2025;
  - Lãi suất áp dụng theo lãi suất được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng bảo lãnh cụ thể, L/C được phát hành;
  - Biện pháp đảm bảo: Hợp đồng cầm cố/thế chấp/bảo lãnh/ký quỹ bao gồm nhưng không giới hạn các Hợp đồng bảo đảm sau:
    - + Hợp đồng thế chấp tài sản số: 01/2019/7015218/HĐBĐ ngày 09/08/2019 được ký giữa Công ty CP Sơn Hà Sài Gòn và BIDV - CN Hóc Môn;
    - + Hợp đồng thế chấp tài sản số: 01/2019/7015218/HĐBĐ ngày 18/03/2020 được ký giữa Công ty CP Sơn Hà Sài Gòn và BIDV Chi nhánh Hóc Môn;
    - + Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 01/2022/7015218/HĐBĐ ngày 26/05/2022 được ký giữa Ông Nguyễn Trần Tân Nguyên cùng Bà Ngô Thị Thanh Lan và BIDV - CN Hóc Môn;
    - + Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 02/2022/7015218/HĐBĐ ngày 13/07/2022 được ký giữa Ông Nguyễn Duy Phước và BIDV - CN Hóc Môn;
    - + Hợp đồng thế chấp tài sản số: 03/2022/7015218/HĐBĐ ngày 19/08/2022 được ký giữa Công ty CP Sơn Hà Sài Gòn và BIDV - CN Hóc Môn;
    - + Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 03/2022/7015218/HĐBĐ ngày 22/09/2022 được ký giữa Ông Hoàng Tuấn Thanh cùng Bà Mai Thị Thanh Hương và BIDV - CN Hóc Môn;
    - + Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 01/2023/7015218/HĐBĐ ngày 21/12/2023 được ký giữa Công ty CP Sơn Hà Sài Gòn và BIDV - CN Hóc Môn;
    - + Và các Hợp đồng bảo đảm khác được giao kết cùng ngày và sau ngày ký Hợp đồng tín dụng này giữa Khách hàng và/hoặc bên thứ ba (gọi chung là Bên bảo đảm) với Ngân hàng để bảo đảm cho các nghĩa vụ của Khách hàng tại Ngân hàng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

- (3) Khoản vay theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 094/2023/FA.01 ngày 19/05/2023 giữa Công ty và Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikorn Bank với các điều khoản cụ thể:
- Mục đích: Hỗ trợ vốn lưu động và/hoặc nhập khẩu nguyên liệu và/hoặc hàng hóa liên quan đến hoạt động kinh doanh cốt lõi của Công ty;
  - Hạn mức: 50.000.000.000 đồng;
  - Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, theo điều khoản tự động gia hạn, hợp đồng cấp hạn mức tín dụng này có thời hạn từ 19/05/2024 đến 19/05/2025;
  - Lãi suất: Phụ thuộc vào các điều khoản và điều kiện được quy định cụ thể tại Hợp đồng, từng phụ lục liên quan của Hợp đồng này và/hoặc các đơn yêu cầu/tài liệu liên quan;
  - Các biện pháp bảo đảm: Thông tin chi tiết được nêu trong Hợp đồng cầm cố số 094/2023/PA.01 ngày 19/05/2023.
- (4) Khoản vay theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 220800.24.105.29111278.TD ngày 17/06/2024 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Gia Định với các điều khoản cụ thể:
- Mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
  - Hạn mức: 170.000.000.000 đồng;
  - Thời hạn cấp hạn mức: Kể từ ngày giao kết Hợp đồng này đến ngày 10/06/2025;
  - Lãi suất áp dụng theo lãi suất trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng kỳ;
  - Các biện pháp đảm bảo: Sổ tiết kiệm/ Hợp đồng tiền gửi/ Giấy tờ có giá do Ngân hàng phát hành và được Ngân hàng chấp thuận, hàng hoá/ quyền đòi nợ hình thành từ hoạt động sản xuất kinh doanh.
- (5) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 9647118.24 ngày 23/05/2024 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam với các điều khoản cụ thể:
- Mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
  - Hạn mức: 100.000.000.000 đồng;
  - Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
  - Lãi suất: được quy định cụ thể tại từng Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ và/hoặc được thông báo công khai trên website của VIB và/hoặc theo hình thức thông báo khác do VIB quyết định trong từng thời kỳ;
  - Các biện pháp bảo đảm:
    - + Hợp đồng tiền gửi/Sổ tiết kiệm do Ngân hàng phát hành và được Ngân hàng chấp thuận
    - + Bảo lãnh cá nhân của ông Lê Hoàng Hà.

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>7.083.912.420</b>	<b>3.775.167.332</b>
- Chi phí trích trước thương, hàng khuyến mại	4.983.509.805	2.762.201.783
- Chi phí công tác, xăng dầu, khác	1.603.437.158	618.101.861
- Chi phí lãi vay	496.965.457	394.863.688
<b>b) Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>7.083.912.420</b>	<b>3.775.167.332</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**18. PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>451.194.643</b>	<b>329.975.492</b>
- Tài sản thừa chờ giải quyết	205.897.967	205.298.009
- Nhận ký quỹ, ký cược	14.500.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	230.796.676	96.552.291
- Phải trả người lao động	-	28.125.192
<b>b) Dài hạn</b>	<b>234.919.000</b>	<b>251.919.000</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	234.919.000	251.919.000
<b>Cộng</b>	<b>686.113.643</b>	<b>581.894.492</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU****19.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>01/01/2023</b>	<b>334.466.750.000</b>	<b>(250.000.000)</b>	<b>13.686.797.071</b>	<b>21.239.521.028</b>	<b>369.143.068.099</b>
- Lãi trong năm trước	-	-	-	20.667.563.430	20.667.563.430
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(282.600.000)	(282.600.000)
+ Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(282.600.000)	(282.600.000)
<b>31/12/2023</b>	<b>334.466.750.000</b>	<b>(250.000.000)</b>	<b>13.686.797.071</b>	<b>41.624.484.458</b>	<b>389.528.031.529</b>
<b>01/01/2024</b>	<b>334.466.750.000</b>	<b>(250.000.000)</b>	<b>13.686.797.071</b>	<b>41.624.484.458</b>	<b>389.528.031.529</b>
- Lãi trong năm nay	-	-	-	20.054.139.087	20.054.139.087
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(276.000.000)	(276.000.000)
+ Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát (*)	-	-	-	(276.000.000)	(276.000.000)
<b>31/12/2024</b>	<b>334.466.750.000</b>	<b>(250.000.000)</b>	<b>13.686.797.071</b>	<b>61.402.623.545</b>	<b>409.306.170.616</b>

(\*) Phân phối lợi nhuận năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 23/2024/NQ-ĐHCD ngày 25/04/2024.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**19.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Công ty TNHH MTV Đầu tư Tổng Hợp Lê Gia	52.644.630.000	50.108.880.000
- Ông Lê Hoàng Hà	44.688.940.000	28.795.530.000
- Các Cổ đông khác	237.133.180.000	255.562.340.000
<b>Cộng</b>	<b>334.466.750.000</b>	<b>334.466.750.000</b>

**19.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	334.466.750.000	334.466.750.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	334.466.750.000	334.466.750.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**19.4 CỔ PHIẾU**

	31/12/2024	01/01/2024
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	33.446.675	33.446.675
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	33.446.675	33.446.675
+ Cổ phiếu phổ thông	33.446.675	33.446.675
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	33.446.675	33.446.675
+ Cổ phiếu phổ thông	33.446.675	33.446.675
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

**19.5 CÁC QUỸ**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	13.686.797.071	13.686.797.071



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
a) Doanh thu	1.061.771.293.875	1.016.292.458.499
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	1.061.771.293.875	1.016.292.458.499
<b>Cộng</b>	<b>1.061.771.293.875</b>	<b>1.016.292.458.499</b>

b) Doanh thu bán hàng với bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 30.2

**21. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Chiết khấu thương mại	65.508.715.037	58.641.278.677
- Hàng bán bị trả lại	2.556.324.423	212.828.628
<b>Cộng</b>	<b>68.065.039.460</b>	<b>58.854.107.305</b>

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Giá vốn hàng hóa và thành phẩm đã bán	897.015.579.723	852.301.857.622
<b>Cộng</b>	<b>897.015.579.723</b>	<b>852.301.857.622</b>

**23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.857.898.483	2.076.205.980
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	20.000.000.000	20.000.000.000
- Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	6.773.321.700	3.629.524.782
- Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	21.130.615	-
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	3.200.571	-
<b>Cộng</b>	<b>28.655.551.369</b>	<b>25.705.730.762</b>

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Chi phí lãi vay	27.465.910.255	32.707.034.642
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	73.950.014	252.541.838
<b>Cộng</b>	<b>27.539.860.269</b>	<b>32.959.576.480</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
<b>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>18.672.832.408</b>	<b>21.363.889.162</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	8.068.024.100	8.072.583.794
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	243.248.511	480.774.283
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.781.725.241	2.894.357.063
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	217.753.269	1.152.260.206
- Chi phí bằng tiền khác	7.362.081.287	8.763.913.816
<b>b) Các khoản chi phí bán hàng</b>	<b>57.539.706.339</b>	<b>54.437.563.918</b>
- Chi phí nhân viên	31.533.131.934	29.485.851.755
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.435.442.243	1.119.385.448
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.247.767.496	8.576.716.561
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	269.541.877	2.162.838.062
- Chi phí bằng tiền khác	16.053.822.789	13.092.772.092
<b>Cộng</b>	<b>76.212.538.747</b>	<b>75.801.453.080</b>

**26. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	80.000.000	45.454.545
- Tiền bồi thường nhận được	-	407.955.374
- Các khoản khác	238.819.278	359.395.986
<b>Cộng</b>	<b>318.819.278</b>	<b>812.805.905</b>

**27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Chi phí nguyên vật liệu	116.254.934.682	116.405.693.765
- Chi phí nhân công	47.108.394.231	44.227.820.263
- Khấu hao tài sản cố định	15.939.460.320	16.148.578.642
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.955.918.305	4.329.859.339
- Chi phí bằng tiền khác	23.922.475.865	22.235.157.557
<b>Cộng</b>	<b>206.181.183.403</b>	<b>203.347.109.566</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>21.882.919.693</b>	<b>22.861.595.706</b>
<b>Các khoản chi phí không được khấu trừ</b>	<b>7.260.983.338</b>	<b>8.108.565.669</b>
- Chi phí khấu hao TSCĐ vượt định mức	440.650.000	440.650.000
- Phần vượt mức trích nộp các quỹ an sinh xã hội	110.997.750	147.997.000
- Chi phí lãi vay loại trừ theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP	6.686.916.303	7.475.336.929
- Chi phí không hợp lý khác	22.419.285	44.581.740
<b>Các khoản thu nhập không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>20.000.000.000</b>
- Cổ tức lợi nhuận được chia	20.000.000.000	20.000.000.000
<b>Tổng thu nhập chịu thuế trong năm</b>	<b>9.143.903.031</b>	<b>10.970.161.375</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
<b>Thuế TNDN phải trả ước tính</b>	<b>1.828.780.606</b>	<b>2.194.032.276</b>
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.828.780.606</b>	<b>2.194.032.276</b>

**29. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính riêng nội bộ của Công ty. Do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ vì vậy Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một lĩnh vực kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực : Hàng gia dụng.
- Lĩnh vực : Hàng công nghiệp.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**29. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)**

Năm 2024	Hàng gia dụng	Hàng Công nghiệp	Cộng
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	274.604.434.171	719.101.820.244	993.706.254.415
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>274.604.434.171</b>	<b>719.101.820.244</b>	<b>993.706.254.415</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	82.620.873.559	14.069.801.133	96.690.674.692
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(76.212.538.747)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>			<b>20.478.135.945</b>
Doanh thu hoạt động tài chính			28.655.551.369
Chi phí tài chính			(27.539.860.269)
Thu nhập khác			318.819.278
Chi phí khác			(29.726.630)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(1.828.780.606)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>20.054.139.087</b>
<b>Năm 2023</b>	<b>Hàng gia dụng</b>	<b>Hàng Công nghiệp</b>	<b>Cộng</b>
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	239.245.595.474	718.192.755.720	957.438.351.194
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>239.245.595.474</b>	<b>718.192.755.720</b>	<b>957.438.351.194</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	91.991.348.287	13.145.145.285	105.136.493.572
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(75.801.453.080)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>			<b>29.335.040.492</b>
Doanh thu hoạt động tài chính			25.705.730.762
Chi phí tài chính			(32.959.576.480)
Thu nhập khác			812.805.905
Chi phí khác			(32.404.973)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(2.194.032.276)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>20.667.563.430</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**29. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)**

Do đặc thù hoạt động kinh doanh nên Ban Tổng Giám đốc không tách được tài sản và nợ phải trả cho hoạt động kinh doanh hàng gia dụng và hoạt động kinh doanh hàng công nghiệp. Theo đó, Ban Tổng giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không tách và trình bày tài sản và nợ phải trả cho hoạt động kinh doanh hàng gia dụng và hoạt động kinh doanh hàng công nghiệp là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 “Báo cáo bộ phận” và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

**30. THÔNG TIN KHÁC**

**30.1 SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

**30.2 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm tài chính 2024, Công ty có giao dịch với các Bên liên quan bao gồm:

<b>Tên Công ty</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Tổng hợp Sơn Hà	Ông Lê Hoàng Hà là Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (SHI)	Ông Lê Hoàng Hà là em ruột Chủ tịch HĐQT
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	Công ty con 100% vốn của SHI
Công ty TNHH MTV Thiết bị gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	Công ty con 100% vốn của SHI
Công ty Cổ phần Phát triển năng lượng Sơn Hà	Công ty con 51,59% vốn của SHI
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sơn Hà Xanh	Ông Lê Hoàng Hà là Chủ tịch HĐQT

**Giao dịch với các bên liên quan:**

	<b>Năm 2024</b>	<b>Năm 2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty Cổ Phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà</b>	<b>3.998.460.544</b>	<b>6.367.950.662</b>
Mua hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	3.998.460.544	6.347.534.125
Xuất trả hàng	-	20.416.537
<b>Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam</b>	<b>198.605.104.370</b>	<b>147.739.308.750</b>
Mua hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	192.988.117.579	142.542.821.242
Các khoản chiết khấu	5.267.464.550	5.037.202.017
Xuất trả hàng	349.522.241	159.285.491
<b>Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai</b>	<b>359.608.260.443</b>	<b>336.664.227.597</b>
Mua hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	327.956.107.474	293.378.341.696
Bán hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	11.652.152.969	23.285.885.901
Điều chuyển lợi nhuận	20.000.000.000	20.000.000.000



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**30. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**30.2 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
<b>Công ty Cổ phần Tập đoàn Sơn Hà Xanh</b>	<b>187.128.174.750</b>	<b>243.739.775.815</b>
Mua hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	184.565.032.542	243.579.183.480
Bán hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	2.483.142.208	160.592.335
Bán tài sản cố định	80.000.000	-
<b>Công Ty TNHH MTV Thiết Bị Gia Dụng Sơn Hà Bắc Ninh</b>	<b>2.170.385.470</b>	
Mua hàng hóa, nguyên vật liệu	2.170.385.470	-
<b>Công ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Thương Mại Tổng Hợp Sơn Hà</b>	<b>-</b>	<b>9.112.113.299</b>
Mua hàng hóa, nguyên liệu vật liệu	-	9.112.113.299
<b>Số dư với các bên liên quan:</b>		
	<b>31/12/2024 VND</b>	<b>01/01/2024 VND</b>
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>3.963.742.962</b>	<b>15.688.668.137</b>
- Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà Chu Lai	2.469.202.301	12.576.250.309
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Sơn Hà Xanh	1.494.540.661	828.741.931
- Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	-	2.283.675.897
<b>Phải trả nhà cung cấp</b>	<b>35.021.946.373</b>	<b>70.649.269.540</b>
- Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà Chu Lai	27.761.090.513	67.740.001.939
- Công ty TNHH Một Thành Viên Sơn Hà SSP Việt Nam	5.912.164.041	1.887.248.632
- Công ty Cổ Phần Phát Triển Năng Lượng Sơn Hà	1.167.429.513	587.002.146
- Công Ty TNHH MTV Thiết Bị Gia Dụng Sơn Hà Bắc Ninh	181.262.306	435.016.823



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**30. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**30.2 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

**Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
<b>Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>804.780.000</b>	<b>780.878.000</b>
Bà Ngô Thị Thanh Lan      Tổng Giám đốc	420.780.000	430.412.000
Ông Hoàng Tuấn Thanh      Phó Tổng Giám đốc	384.000.000	350.466.000
<b>Tiền lương của Ban kiểm soát</b>	<b>631.076.000</b>	<b>683.835.000</b>
Ông Nguyễn Văn Tuấn      Trưởng ban Kiểm soát	234.707.000	241.481.000
Bà Lê Hoàng Anh              Thành viên Ban kiểm soát	192.125.000	225.978.000
Bà Nguyễn Thị Kim Loan      Thành viên Ban kiểm soát	204.244.000	216.376.000
<b>Thù lao của Hội đồng quản trị</b>	<b>204.000.000</b>	<b>204.000.000</b>
Ông Lê Hoàng Hà              Chủ tịch	60.000.000	60.000.000
Ông Lê Văn Ngà                Thành viên	36.000.000	36.000.000
Ông Lê Văn Thành              Thành viên	36.000.000	36.000.000
Bà Trịnh Thị Phương Linh      Thành viên	36.000.000	36.000.000
Bà Phạm Thị Uyên              Thành viên	36.000.000	36.000.000
<b>Thù lao Ban Kiểm soát</b>	<b>72.000.000</b>	<b>72.000.000</b>
Ông Nguyễn Văn Tuấn      Trưởng ban Kiểm soát	36.000.000	36.000.000
Bà Lê Hoàng Anh              Thành viên Ban kiểm soát	18.000.000	18.000.000
Bà Nguyễn Thị Kim Loan      Thành viên Ban kiểm soát	18.000.000	18.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.711.856.000</b>	<b>1.740.713.000</b>

**30.3 SỐ LIỆU SO SÁNH**

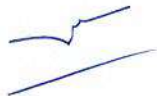
Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lê Hoàng Oanh

Trần Thị Thu Hạnh

Ngô Thị Thanh Lan